

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 616/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2022.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

2. Ông Châu Văn B.

Th ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Th ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 427/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

Ng đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TH, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TH, xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải, nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày: Anh và chị Anh cưới nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại

UBND xã TH, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 04/2022 đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Anh.

Về con chung: Có 04 con chung là cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020. Hiện bốn cháu đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng bốn cháu B, Th, A1, Ng1. Về cấp dưỡng: anh yêu cầu chị Kim A cấp dưỡng nuôi con 1.250.000 đồng/tháng/01 cháu x 04 cháu = 5.000.000 đồng cho đến khi cháu B, Th, A1, Ng1 đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn chị A trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quá trình kết hôn và chung sống. Đối với yêu cầu ly hôn của anh T, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 04 con chung là cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020. Hiện bốn cháu đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng bốn cháu B, Th, A1, Ng1. Chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim A; về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi 04 con chung gồm cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020, yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Võ Thái B và cháu Võ Thái Ng với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu x 02 cháu = 2.000.000 đồng cho đến khi cháu B và cháu Ng đủ 18 tuổi lao động được; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim A thống nhất ly hôn với anh Võ Văn T, đồng ý để 04 con chung gồm cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Võ Thái B và cháu Võ Thái Ng với mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng/01 cháu x 02 cháu = 1.500.000 đồng cho đến khi cháu B và cháu Ng

đủ 18 tuổi lao động được; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Kim A thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án ghi nhận; về con chung đề nghị giao 04 con chung gồm cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; buộc chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Võ Thái B và cháu Võ Thái Ng theo mức pháp luật quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T về việc được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa anh T và chị A kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện

Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2021, anh T và chị A phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 04/2022 cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh T yêu cầu được ly hôn, chị A cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị A không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được; đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm chị A cũng thống nhất ly hôn cho nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần ghi nhận việc anh T và chị A thống nhất thuận tình ly hôn.

[2.2]. Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh T và chị A có 04 con chung là cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020. Hiện nay 04 con chung đang sống cùng anh T.

Theo bản tự khai ngày 30/10/2022, cháu B và cháu Th có nguyện vọng xin được ở cùng anh T sau khi cha mẹ không còn ở chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay 04 cháu cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020 sống với anh T sức khỏe vẫn tốt, phát triển bình thường. Cháu B và cháu Th cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Đồng thời chị Nguyễn Thị Kim A thống nhất giao 04 con chung là cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Do đó, để đảm bảo về vật chất, tinh thần và sự phát triển B thường của con chung, việc giao 04 con chung là cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện ban đầu anh T yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi 04 con chung mỗi tháng 1.250.000 đồng/tháng/cháu x04 cháu = 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi 02 con chung

là cháu B và cháu Ng với mức 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu x 02 cháu = 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc thay đổi yêu cầu của anh T không vượt quá phạm vi khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của anh T.

Trên cơ sở quy định của pháp luật Hội đồng xét xử xét thấy trách nhiệm nuôi con là của chung hai vợ chồng do vậy cần buộc chị Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình "Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đã thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Tại phiên tòa, anh T và chị A không tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con. Xét theo lời khai tại phiên tòa về thu nhập một tháng của chị A là 2.500.000 đồng đến 3.500.000 đồng, nhu cầu thiết yếu của cháu B và cháu Ng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu B và cháu Ng 750.000 đồng/tháng/01 cháu x 02 cháu = 1.500.000 đồng là phù hợp.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu B và cháu Ng đủ 18 tuổi, lao động được.

[2.4] Về tài sản chung: Không có.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Kim A thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 04 con chung là cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012, cháu Võ Ngọc Anh Th sinh ngày 04/3/2015, cháu Võ Thái A1 sinh ngày 04/8/2017 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020 cho anh Võ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Võ Thái B sinh ngày 08/4/2012 và cháu Võ Thái Ng sinh ngày 27/4/2020 mỗi tháng 750.000 đồng/01 tháng/01 cháu x 02 cháu = 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B và cháu Ng đủ 18 tuổi, lao động được.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh Võ Văn T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025104 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 150.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã TH, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phương Dung**